



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(đã được soát xét)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF  
THE GLOBAL ADVISORY AND ACCOUNTING NETWORK

## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	06-40
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11-40

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG**

Số 2, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang được thành lập theo Quyết định số 3243/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 1996 và được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2007 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. Công ty thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3300101124 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007 và thay đổi lần thứ 11 ngày 08 tháng 11 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Yukio Takahashi	Chủ tịch
Ông Lê Bá Giang	Ủy viên
Ông Yoshida Tetsuya	Ủy viên
Ông Johnny Cheung - Ching Fu	Ủy viên
Ông Go Fujiyama	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Johnny Cheung - Ching Fu	Tổng Giám đốc
Ông Lê Bá Giang	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hồ Minh Quốc	Trưởng ban	Đã có đơn từ nhiệm ngày 18/11/2019
Bà Đào Thị Chinh	Thành viên	Đã có đơn từ nhiệm ngày 13/05/2020
Bà Fumiyo Okuda	Thành viên	

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Bá Giang

Phó Tổng Giám đốc

Thừa Thiên - Huế, ngày 20 tháng 07 năm 2020

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang được lập ngày 20 tháng 07 năm 2020, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Sài Gòn Morin - Huế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 đang được lập và trình bày trên cơ sở doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục do chủ sở hữu của Công ty TNHH Sài Gòn Morin - Huế là Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang và Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn đã quyết định giải thể Công ty TNHH Sài Gòn Morin - Huế và các thủ tục giải thể đã được gia hạn đến ngày 30 tháng 9 năm 2020. Tuy nhiên, Công ty vẫn trình bày giá trị khoản đầu tư này theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

### **Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 3 và Thuyết minh số 17 phần thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020, Công ty đang ghi nhận và trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ khoản phải trả cho Ngân sách nhà nước với số tiền là 32 tỷ đồng liên quan đến việc thoái vốn của UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế tại Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Vũ Xuân Biễn** ✓

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

*Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2020*

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG**

Số 2, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,  
tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>70.275.264.467</b>	<b>79.924.511.105</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>46.153.467.192</b>	<b>51.037.373.424</b>
111	1. Tiền		35.353.467.192	37.737.373.424
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.800.000.000	13.300.000.000
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>1.300.000.000</b>	<b>800.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.300.000.000	800.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>21.539.113.959</b>	<b>26.906.219.115</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	4.316.863.413	7.034.010.031
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.062.734.078	3.009.530.507
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	11.300.000.000	11.100.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	4.671.838.844	7.276.103.615
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.812.322.376)	(1.513.425.038)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>559.596.248</b>	<b>751.814.028</b>
141	1. Hàng tồn kho		559.596.248	751.814.028
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>723.087.068</b>	<b>429.104.538</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	723.087.068	429.104.538
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>174.106.996.610</b>	<b>189.728.729.915</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>5.448.817.680</b>	<b>5.448.817.680</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	5.448.817.680	5.448.817.680
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>38.823.264.023</b>	<b>40.833.473.256</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	37.818.936.158	39.825.948.672
222	- Nguyên giá		106.479.409.239	107.016.190.317
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(68.660.473.081)	(67.190.241.645)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	1.004.327.865	1.007.524.584
228	- Nguyên giá		1.308.338.000	1.308.338.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(304.010.135)	(300.813.416)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>5.296.934.572</b>	<b>12.187.957.370</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	5.296.934.572	12.187.957.370
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>119.417.817.880</b>	<b>125.405.051.750</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		119.417.817.880	125.405.051.750
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.000.000.000	3.000.000.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>5.120.162.455</b>	<b>5.853.429.859</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	5.120.162.455	5.853.429.859
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>244.382.261.077</b>	<b>269.653.241.020</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG**

Số 2, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,  
tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>43.040.838.926</b>	<b>45.507.147.328</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>41.442.453.926</b>	<b>43.908.762.328</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	3.309.304.231	3.649.918.105
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		448.225.431	629.028.778
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	2.270.522.091	1.092.377.030
314	4. Phải trả người lao động		1.351.785.493	3.394.812.380
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	17	33.174.352.680	33.810.230.035
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	888.264.000	1.332.396.000
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.598.385.000</b>	<b>1.598.385.000</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	1.598.385.000	1.598.385.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>201.341.422.151</b>	<b>224.146.093.692</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>201.341.422.151</b>	<b>224.146.093.692</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		47.223.517.700	47.223.517.700
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(45.882.095.549)	(23.077.424.008)
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		(23.077.424.008)	(26.830.550.252)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		(22.804.671.541)	3.753.126.244
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>244.382.261.077</b>	<b>269.653.241.020</b>

Ngô Đức Chính  
Người lập

Ngô Đức Chính  
Kế toán trưởng

Lê Bá Giang  
Phó Tổng Giám đốc



Thừa Thiên - Huế, ngày 20 tháng 07 năm 2020



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2020	2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	16.666.002.786	50.029.127.824
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		16.666.002.786	50.029.127.824
11	4. Giá vốn hàng bán	22	18.464.512.156	39.002.034.196
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(1.798.509.370)	11.027.093.628
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	876.650.227	858.849.535
22	7. Chi phí tài chính	24	110.180.486	159.593.734
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>110.098.317</i>	<i>159.377.308</i>
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(5.987.233.870)	4.029.547.360
25	9. Chi phí bán hàng	25	582.736.896	1.062.713.491
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7.001.973.327	9.183.988.933
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(14.603.983.722)	5.509.194.365
31	12. Thu nhập khác	27	763.735.279	525.649.887
32	13. Chi phí khác	28	8.964.423.098	18.810.583
40	14. Lợi nhuận khác		(8.200.687.819)	506.839.304
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(22.804.671.541)	6.016.033.669
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(22.804.671.541)	6.016.033.669
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		(22.804.671.541)	6.016.033.669
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	(1.140)	301



Ngô Đức Chính  
Người lập



Ngô Đức Chính  
Kế toán trưởng




Lê Bá Giang  
Phó Tổng Giám đốc

Thừa Thiên - Huế, ngày 20 tháng 07 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2020	2019
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(22.804.671.541)	6.016.033.669
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.002.724.509	2.151.793.119
03	- Các khoản dự phòng		298.897.338	(111.021.046)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		14.075.060.539	(5.348.882.714)
06	- Chi phí lãi vay		110.098.317	159.377.308
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(6.317.890.838)	2.867.300.336
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		2.511.882.818	(947.272.223)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		192.217.780	79.685.956
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải		(2.022.176.402)	(358.232.117)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		439.284.874	2.104.552.425
14	- Tiền lãi vay đã trả		(110.098.317)	(159.377.308)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(135.656.673)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(180.872.316)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.306.780.085)	3.270.128.080
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.073.400.000)	(1.950.372.736)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	240.909.091
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(700.000.000)	(11.500.000.000)
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.632.921.129	858.426.263
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		859.521.129	(12.351.037.382)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(444.132.000)	(666.198.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(444.132.000)	(666.198.000)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2020	2019
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(4.891.390.956)	(9.747.107.302)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		51.037.373.424	61.999.168.780
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		7.484.724	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>46.153.467.192</u>	<u>52.252.061.478</u>



Ngô Đức Chính  
Người lập



Ngô Đức Chính  
Kế toán trưởng




Lê Bá Giang  
Phó Tổng Giám đốc

Thừa Thiên - Huế, ngày 20 tháng 07 năm 2020

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020*

### **I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang được thành lập theo Quyết định số 3243/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 1996 và được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2007 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. Công ty thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3300101124 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007 và thay đổi lần thứ 11 ngày 08 tháng 11 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và dịch vụ du lịch, lữ hành.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình như mua bán hàng mỹ phẩm và các chế phẩm vệ sinh;
- Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc như kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu như kinh doanh dịch vụ Karaoke;
- Điều hành tour du lịch như kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động như nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống.

#### **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

- Dịch Covid-19 xảy ra trong nửa đầu năm 2020 đã gây tác động tiêu cực đến hầu hết các nhóm ngành kinh tế trên thế giới. Trong đó, ngành du lịch là một trong những ngành chịu nhiều tác động do việc hạn chế di chuyển trong nước cũng như dừng hoàn toàn vận chuyển hành khách từ quốc tế vào Việt Nam. Điều này dẫn tới doanh thu trong kỳ của Công ty có sự sụt giảm 66% so với cùng kỳ năm trước.

- Trong kỳ, theo Nghị quyết số 18/20/NQ-HĐQT ngày 30/06/2020 của Hội đồng quản trị và Biên bản thanh lý hợp đồng tư vấn dịch vụ kỹ thuật với Công ty TNHH Azula Management về việc tư vấn phác thảo ý tưởng đầu tư cơ sở vật chất của Khách sạn Hương Giang, Công ty đã ghi nhận toàn bộ chi phí phát sinh vào chi phí khác. Do đó, chi phí khác trong kỳ của Công ty tăng đột biến so với cùng kỳ năm trước.

### **Cấu trúc Tập đoàn**

Công ty có một (01) Công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2020 là Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang có trụ sở được đặt tại số 11 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế với hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh du lịch và đại lý vé máy bay. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty vào Công ty con là 100%.

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

#### **2.4 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

#### **2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.7 . Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

## 2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**2.9 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.10 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.11 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07 năm
- Quyền sử dụng đất	Không trích khấu hao
- Phần mềm quản lý	05 năm

**2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.



**2.13 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.14 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.15 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.16 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.17 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## **2.18 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

## **2.19 . Doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.20 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.21 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

**2.23 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG

Số 2, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,  
tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

### 2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các

### 2.25 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	724.032.250	372.537.342
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn <sup>(1)</sup>	34.626.834.942	37.340.826.082
Tiền đang chuyển	2.600.000	24.010.000
Các khoản tương đương tiền <sup>(2)</sup>	10.800.000.000	13.300.000.000
	<b>46.153.467.192</b>	<b>51.037.373.424</b>

(1) Tại ngày 30/06/2020, số dư tiền gửi không kỳ hạn là 34.626.834.942 đồng. Trong đó, khoản tiền 32.096.834.577 đồng là số tiền thu được từ việc chuyển nhượng phần vốn của UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế cho Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco, khoản tiền này bị hạn chế sử dụng theo Công văn số 1398/STC-TCDN ngày 26/5/2016 của Sở Tài chính tỉnh Thừa Thiên Huế. (Xem thêm tại Thuyết minh số 17).

(2) Tại ngày 30/06/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 10.800.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Huế và Ngân hàng TMCP Đông Á với lãi suất từ 4,5%/năm đến 5,3%/năm.

## 4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

### a) Ngắn hạn

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tiền gửi có kỳ hạn <sup>(*)</sup>	1.300.000.000	-	800.000.000	-
	<b>1.300.000.000</b>	<b>-</b>	<b>800.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng theo hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn ngày 19/06/2019 và ngày 23/06/2020 giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế và Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang với lãi suất là 7,4%/năm và 6,0%/năm. Khi hết hạn hợp đồng, nếu không có thỏa thuận khác thì hợp đồng sẽ được tiếp tục, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam sẽ tự động chuyển sang kỳ hạn mới tương ứng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG**

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Số 2, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**4 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**b) Dài hạn**

	30/06/2020		01/01/2020		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu
	Địa chỉ		Địa chỉ		Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>					
- Công ty TNHH Du lịch Lăng Cô	Thôn Loạn Lý, thị trấn Lăng Cô, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam	40,00%	Thôn Loạn Lý, thị trấn Lăng Cô, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam	40,00%	5.054.397.684
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Huế <sup>(1)</sup>	Công viên Ngự Bình, xã Thủy An, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	20,00%	Công viên Ngự Bình, xã Thủy An, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	20,00%	-
- Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc <sup>(1)</sup>	Phường An Tây, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	31,33%	Phường An Tây, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	31,33%	940.000.000
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh</b>					
- Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế	30 Lê Lợi, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	50,00%	30 Lê Lợi, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	50,00%	51.169.224.237
- Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Việt Nhật <sup>(1)</sup>	5190 Shindo Sagamiharashi Kanagawa, Nhật Bản.	50,00%	5190 Shindo Sagamiharashi Kanagawa, Nhật Bản.	50,00%	-
- Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành	5 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	35,24%	5 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	35,24%	46.559.122.982
- Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Kinh Thành	2 Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	35,00%	2 Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	35,00%	21.682.306.847
					<b>119.417.817.880</b>
					<b>125.405.051.750</b>

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh số 33.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG**

Số 2, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du Lịch Thuận An <sup>(2)</sup>	3.000.000.000	(3.000.000.000)	3.000.000.000	(3.000.000.000)
	<b>3.000.000.000</b>	<b>(3.000.000.000)</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>(3.000.000.000)</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(1) Hiện tại các Công ty này đã ngừng hoạt động.

(2) Khoản đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du lịch Thuận An với tổng số tiền là 3.000.000.000 đồng tương đương tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết là 12%. Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Thuận An có trụ sở tại tỉnh Thừa Thiên Huế với hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch. Khoản đầu tư này đã được trích lập dự phòng toàn bộ. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG**Số 2, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,  
tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du lịch Thuận An	717.110.038	(717.110.038)	717.110.038	(717.110.038)
- Công ty Cổ phần Tulico Hương Giang	720.000.000	(720.000.000)	720.000.000	(720.000.000)
- Phải thu khách hàng khác	2.879.753.375	(76.315.000)	5.596.899.993	(76.315.000)
	<b>4.316.863.413</b>	<b>(1.513.425.038)</b>	<b>7.034.010.031</b>	<b>(1.513.425.038)</b>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Thiết kế Quận Tám	-	-	1.366.100.000	-
- Công ty TNHH Đạt Long Thịnh	1.438.276.000	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	1.624.458.078	-	1.643.430.507	-
	<b>3.062.734.078</b>	<b>-</b>	<b>3.009.530.507</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG**Số 2, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,  
tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành <sup>(1)</sup>	10.500.000.000	-	10.500.000.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư Kinh Thành <sup>(2)</sup>	800.000.000	-	600.000.000	-
	<b>11.300.000.000</b>	<b>-</b>	<b>11.100.000.000</b>	<b>-</b>
<b>Phải thu về cho vay là các bên liên quan</b>	<b>11.300.000.000</b>	<b>-</b>	<b>11.100.000.000</b>	<b>-</b>

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)***Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:**

(1) Hợp đồng vay vốn và phụ lục số 04/KT-HG-062020 ngày 22/06/2020, với tổng số tiền là 10.500.000.000 đồng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay được gia hạn theo phụ lục số 04/KT-HG-062020 ngày 22/06/2020 kể từ ngày 01/07/2020 đến ngày 31/12/2020 với lãi suất 7,6%/năm.

(2) Bao gồm 02 hợp đồng được giải ngân theo từng phần:

+ Hợp đồng vay vốn số 01/HGT-CIT-042019 và phụ lục số 02/HGT-CIT-042020 ngày 30/04/2020 với tổng số tiền là 600.000.000 đồng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 08 tháng kể từ ngày 01/05/2020 đến ngày 31/12/2020 với lãi suất 7,6%/năm.

+ Hợp đồng vay vốn số 02/HGT-CIT-010220 ngày 17/01/2020 với tổng số tiền là 700.000.000 đồng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên với lãi suất 9,3%/năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG**

Số 2, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,  
tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**8 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	3.250.000.000	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	493.675.000	-	-	-
Tạm ứng	779.339.000	-	698.289.000	-
Lãi cho vay phải thu từ Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco	1.570.500.000	-	1.570.500.000	-
Dự án tiếp nhận Công ty TNHH Sài Gòn Morin	933.690.527	-	933.690.527	-
Chi hộ Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc	298.897.338	(298.897.338)	298.897.338	-
Doanh thu chưa xuất hóa đơn	284.164.240	-	227.656.978	-
Tiền thuế tiêu thụ đặc biệt nộp hộ VIP Club	220.639.373	-	220.639.373	-
Phải thu khác	90.933.366	-	76.430.399	-
	<b>4.671.838.844</b>	<b>(298.897.338)</b>	<b>7.276.103.615</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	500.000.000	-	500.000.000	-
Phải thu từ công ty Cổ phần Văn Hóa Đất Việt (*)	4.948.817.680	-	4.948.817.680	-
	<b>5.448.817.680</b>	<b>-</b>	<b>5.448.817.680</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là các khoản chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và khoản ứng trước cho nhà thầu thi công hạng mục Thiên Đường Trần Nhân Tông (nay là Thiên Viện Hương Vân) thuộc dự án Trung Tâm Văn hóa Huyện Trân. Năm 2011, Công ty đã bàn giao sang cho Công ty Cổ phần Văn hóa Đất Việt (trước đây là Công ty Cổ phần Văn hóa Huyện Trân) để tiếp tục theo dõi và quyết toán chi phí thực hiện với các nhà thầu này.

**c) Phải thu khác là các bên liên quan**

	<b>2.363.072.338</b>	<b>-</b>	<b>5.119.397.338</b>	<b>-</b>
--	----------------------	----------	----------------------	----------

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG**

Số 2, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,  
tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**9 . NỢ XẤU**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du lịch Thuận An	717.110.038	-	717.110.038	-
- Công ty Cổ phần Tulico Hương Giang	720.000.000	-	720.000.000	-
- Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc	298.897.338	-	-	-
- Các khoản khác	76.315.000	-	76.315.000	-
	<b>1.812.322.376</b>	<b>-</b>	<b>1.513.425.038</b>	<b>-</b>

**10 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	264.063.261	-	408.055.182	-
Công cụ, dụng cụ	16.906.364	-	16.906.364	-
Hàng hoá	278.626.623	-	326.852.482	-
	<b>559.596.248</b>	<b>-</b>	<b>751.814.028</b>	<b>-</b>

**11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Dự án cải tạo Khách sạn Hương Giang	-	8.964.422.798
- Dự án cải tạo Nhà hàng Festival, 11 Lê Lợi - TP.Huế (*)	5.296.934.572	3.223.534.572
	<b>5.296.934.572</b>	<b>12.187.957.370</b>

(\*) Tên dự án: Cải tạo Nhà hàng Festival, 11 Lê Lợi - TP.Huế

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang;
- Mục đích xây dựng: kinh doanh nhà hàng và cho thuê;
- Địa điểm xây dựng: Số 11 Lê Lợi, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên - Huế;
- Tổng mức đầu tư: 23,3 tỷ đồng (tương đương 1 triệu USD);
- Thời gian bắt đầu thực hiện triển khai công trình và thời gian dự kiến hoàn thành: thực hiện trong quý IV/2019 và dự kiến hoàn thành trong quý III/2020; Đến thời điểm 30/06/2020 đang triển khai công tác xây dựng phần bao quanh bên ngoài nhà hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG**

Số 2, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	69.122.713.594	12.356.958.358	24.803.976.721	732.541.644	107.016.190.317
- Thanh lý, nhượng bán	(536.781.078)	-	-	-	(536.781.078)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>68.585.932.516</b>	<b>12.356.958.358</b>	<b>24.803.976.721</b>	<b>732.541.644</b>	<b>106.479.409.239</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	45.846.820.722	11.546.135.143	9.064.744.136	732.541.644	67.190.241.645
- Khấu hao trong kỳ	899.973.325	117.058.056	982.496.409	-	1.999.527.790
- Thanh lý, nhượng bán	(529.296.354)	-	-	-	(529.296.354)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>46.217.497.693</b>	<b>11.663.193.199</b>	<b>10.047.240.545</b>	<b>732.541.644</b>	<b>68.660.473.081</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	23.275.892.872	810.823.215	15.739.232.585	-	39.825.948.672
Tại ngày cuối kỳ	<b>22.368.434.823</b>	<b>693.765.159</b>	<b>14.756.736.176</b>	-	<b>37.818.936.158</b>
<i>Trong đó:</i>					
-					
-					

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 16.155.041.052 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 34.149.958.413 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG**

Số 2, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,  
tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	999.000.000	309.338.000	1.308.338.000
Số dư cuối kỳ	<u>999.000.000</u>	<u>309.338.000</u>	<u>1.308.338.000</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	300.813.416	300.813.416
- Khấu hao trong kỳ	-	3.196.719	3.196.719
Số dư cuối kỳ	-	<u>304.010.135</u>	<u>304.010.135</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	999.000.000	8.524.584	1.007.524.584
Tại ngày cuối kỳ	<u>999.000.000</u>	<u>5.327.865</u>	<u>1.004.327.865</u>

(\*) Quyền sử dụng đất không thời hạn tại số 02 Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế hiện đang được sử dụng làm văn phòng Công ty.

**14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	102.244.726	179.145.007
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	620.842.342	249.959.531
	<u>723.087.068</u>	<u>429.104.538</u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.538.733.499	2.198.976.573
Phí cải tạo tài sản	1.341.115.185	1.346.211.177
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.240.313.771	2.308.242.109
	<u>5.120.162.455</u>	<u>5.853.429.859</u>

**15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty Cổ phần Quản lý điểm đến Châu Á	376.456.298	376.456.298	376.456.298	376.456.298
Công ty TNHH Thương mại Vận tải San Hiên	19.555.000	19.555.000	191.735.000	191.735.000
Phải trả các đối tượng khác	2.913.292.933	2.913.292.933	3.081.726.807	3.081.726.807
	<u>3.309.304.231</u>	<u>3.309.304.231</u>	<u>3.649.918.105</u>	<u>3.649.918.105</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG**

Số 2, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		699.492.475		808.136.536		1.024.621.023		-		483.007.988	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		3.125.734		-		-		-		3.125.734	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		35.401.800		330.585.566		331.359.480		-		34.627.886	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		348.417.122		2.106.039.051		705.343.889		-		1.749.112.284	
Các loại thuế khác	-		3.046.102		21.392.767		24.106.459		-		332.410	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		2.893.797		9.547.704		12.125.712		-		315.789	
	-		<b>1.092.377.030</b>		<b>3.275.701.624</b>		<b>2.097.556.563</b>		-		<b>2.270.522.091</b>	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG**Số 2, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,  
tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	89.738.822	47.783.951
- Bảo hiểm xã hội	196.771.635	-
- Phải trả cho UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (*)	32.096.834.577	32.064.668.451
- Thu hồi vốn góp tại công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc đang chờ quyết toán	518.052.851	518.052.851
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	272.954.795	1.179.724.782
	<b><u>33.174.352.680</u></b>	<b><u>33.810.230.035</u></b>

(\*) Đây là số tiền phát sinh từ hợp đồng chuyển nhượng vốn số 18/HĐCNV ngày 30/3/2016 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (bên chuyển nhượng) và Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco (bên nhận chuyển nhượng) với các thông tin như sau:

- Người đại diện bên chuyển nhượng: Ông Nguyễn Quốc Thành - Chủ tịch HĐQT - Người đại diện chính phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang, theo Quyết định số 624/QĐ-UBND ngày 30/3/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Số lượng 12.572.200 cổ phần, tương đương tổng mệnh giá 125.722.000.000 đồng, chiếm 62,86% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang.

- Tổng giá trị chuyển nhượng: 158.409.520.000 đồng.

- Tài khoản nhận tiền chuyển nhượng là tài khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang

Công ty đã chuyển trả số tiền là 126 tỷ đồng theo các văn bản yêu cầu của UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền còn lại sẽ được chuyển trả khi có yêu cầu. Tại thời điểm 30/06/2020, số tiền còn lại này bị hạn chế sử dụng theo Công văn 1398/STC - TCDN ngày 25 tháng 06 năm 2016 của Sở Tài chính Tỉnh Thừa Thiên Huế. (Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 3).

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG**

Số 2, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**18 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2020		Trong kỳ		30/06/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.332.396.000	1.332.396.000	-	444.132.000	888.264.000	888.264.000
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Thừa Thiên Huế (*)	1.332.396.000	1.332.396.000	-	444.132.000	888.264.000	888.264.000
	<b>1.332.396.000</b>	<b>1.332.396.000</b>	-	<b>444.132.000</b>	<b>888.264.000</b>	<b>888.264.000</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Thừa Thiên Huế (*)	2.930.781.000	2.930.781.000	-	444.132.000	2.486.649.000	2.486.649.000
	<b>2.930.781.000</b>	<b>2.930.781.000</b>	-	<b>444.132.000</b>	<b>2.486.649.000</b>	<b>2.486.649.000</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(1.332.396.000)	(1.332.396.000)	-	(444.132.000)	(888.264.000)	(888.264.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>1.598.385.000</b>	<b>1.598.385.000</b>			<b>1.598.385.000</b>	<b>1.598.385.000</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

1. Hợp đồng tín dụng số 2507/16/TD - TT/XV giữa Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Thừa Thiên Huế và Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Gốc vay: 3.150.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Đầu tư 04 xe ô tô khách phục vụ hoạt động kinh doanh theo hợp đồng kinh tế số 103 - 2016/HMT/HĐKT ngày 06/05/2016 và hợp đồng kinh tế số 104 - 2016/HMT/HĐKT ngày 06/05/2016 ký giữa Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang và Công ty Quốc tế HMT Việt Nam;
- + Thời hạn của hợp đồng: 60 tháng kể từ ngày Bên vay rút tiền vay lần đầu;
- + Lãi suất cho vay: Theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 595.849.000 đồng, trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 366.664.000 đồng.
- + Tài sản đảm bảo: Được bảo đảm bằng Giấy tờ bản chính chứng minh quyền sở hữu, sử dụng bao gồm: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003993 do phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 01/06/2016. Biển kiểm soát: 75B - 011.47; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003994 do phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 01/06/2016. Biển kiểm soát: 75B - 011.36; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 002626 do phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 03/06/2016. Biển kiểm soát: 75B - 011.25; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 002625 do phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 03/06/2016. Biển kiểm soát: 75B - 011.81.

2. Hợp đồng tín dụng số 3597/18/TD-TT/XV ngày 27 tháng 7 năm 2018 giữa Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Thừa Thiên Huế và Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Gốc vay: 2.934.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Đầu tư xe ô tô khách phục vụ hoạt động kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: 50 tháng kể từ ngày Bên vay rút tiền vay lần đầu;
- + Lãi suất cho vay: Theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 1.890.800.000 VNĐ. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 521.600.000 VNĐ;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Giấy tờ bản chính chứng minh quyền sở hữu, sử dụng bao gồm: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 021461 do phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 24/07/2018; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 021463 do phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 24/07/2018.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG**

Số 2, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020**19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu kỳ trước	200.000.000.000	47.223.517.700	221.892.967.448				
Lãi trong kỳ trước	-	-	6.016.033.669				6.016.033.669
Giảm khác	-	-	(1.000.000.000)				(1.000.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>47.223.517.700</b>	<b>(20.314.516.583)</b>				<b>226.909.001.117</b>
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	47.223.517.700	224.146.093.692				
Lỗ trong kỳ này	-	-	(22.804.671.541)				(22.804.671.541)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>47.223.517.700</b>	<b>(45.882.095.549)</b>				<b>201.341.422.151</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu (\*)**

	Cuối kỳ		Tỷ lệ		Đầu kỳ		Tỷ lệ (%)
	VND	VND	(%)	(%)	VND	(%)	
Công ty TNHH Tập đoàn BITEXCO	18.228.770.000	18.228.770.000	9,11%	9,11%	18.228.770.000	9,11%	
Crystal Treasure Limited	91.000.000.000	91.000.000.000	45,50%	45,50%	91.000.000.000	45,50%	
Lê Thị Ngọc Thủy	14.000.000.000	14.000.000.000	7,00%	7,00%	14.000.000.000	7,00%	
Công ty TNHH Thạch Anh Trắng	19.252.230.000	19.252.230.000	9,63%	9,63%	19.252.230.000	9,63%	
Công ty TNHH Tấn Trường	40.000.000.000	40.000.000.000	20,00%	20,00%	40.000.000.000	20,00%	
Các cổ đông khác	17.519.000.000	17.519.000.000	8,76%	8,76%	17.519.000.000	8,76%	
	<b>200.000.000.000</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>100%</b>	

(\*) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương tại ngày 30/06/2020.  
(Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương được ủy quyền quản lý số cổ đông cho Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang).

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG**Số 2, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,  
tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với nội dung chi tiết như sau:

- Hợp đồng thuê đất tại Số 51 Lê Lợi để sử dụng với mục đích kinh doanh dịch vụ du lịch từ năm 1996 đến năm 2026. Diện tích khu đất thuê là 13.508 m<sup>2</sup>. Công ty đang Kinh doanh khách sạn Hương Giang và nhà hàng. Theo hợp đồng số 67 HD/TD ngày 20/09/1999, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Hợp đồng thuê đất tại Số 11 Lê Lợi để sử dụng với mục đích kinh doanh dịch vụ du lịch từ năm 2001 đến năm 2031. Diện tích khu đất thuê là 9.222 m<sup>2</sup>. Công ty đang Kinh doanh nhà hàng Festival Huế. Theo hợp đồng số 11 HD-TĐ ngày 01/04/2003, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Hợp đồng thuê đất tại Số 30 Lê Lợi để sử dụng với mục đích kinh doanh dịch vụ du lịch từ năm 2004 đến năm 2044. Diện tích khu đất thuê là 7.702 m<sup>2</sup>. Công ty đang liên doanh cùng với Công ty Sài Gòn Tourist để kinh doanh nhà hàng và khách sạn. Theo hợp đồng số 34/HĐ-TĐ ngày 09/11/2004, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Hợp đồng thuê đất tại Số 101 Hùng Vương (trước đây là Số 41 Hùng Vương) để sử dụng với mục đích kinh doanh dịch vụ du lịch từ năm 2000 đến năm 2020. Diện tích khu đất thuê là 1.301 m<sup>2</sup>. Hiện tại Công ty đang hoạt động kinh doanh nhà hàng. Theo hợp đồng số 38/HĐ-TĐ ngày 25/10/2000, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Hợp đồng thuê đất tại Khu quy hoạch trục đường quốc lộ 1A - Tự Đức, phường Thủy Xuân để sử dụng với mục đích xây dựng văn phòng công ty và cụm dịch vụ du lịch từ năm 2011 đến năm 2041. Diện tích khu đất thuê là 2.100,1 m<sup>2</sup>. Theo các hợp đồng số 30/HĐTĐ ngày 22/06/2016, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Hợp đồng thuê đất tại Số 51 Lê Lợi để sử dụng với mục đích kinh doanh từ ngày 06/12/2019 đến ngày 16/05/2024. Diện tích khu đất thuê là 680 m<sup>2</sup>. Hiện tại Công ty đang sử dụng làm cảnh quan hồ Mắt Ngọc tại khách sạn Hương Giang Hotel. Theo hợp đồng số 88/HĐTĐ ngày 06/12/2019, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**b) Ngoại tệ các loại**

	30/06/2020	01/01/2020
- Đồng đô la Mỹ (USD)	6.183,90	5.465,81
- Đồng Euro (EUR)	447,69	1.354,39

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG**Số 2, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,  
tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Doanh thu cho thuê phòng, dịch vụ nhà hàng	12.374.310.175	24.792.929.867
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.291.692.611	25.236.197.957
	<b>16.666.002.786</b>	<b>50.029.127.824</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	-	<b>8.700.000</b>

**22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Giá vốn cho thuê phòng, dịch vụ nhà hàng	11.352.939.697	17.615.193.681
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.111.572.459	21.386.840.515
	<b>18.464.512.156</b>	<b>39.002.034.196</b>

**23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	876.596.129	858.426.263
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	54.098	423.272
	<b>876.650.227</b>	<b>858.849.535</b>
Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	<b>526.865.555</b>	-

**24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	110.098.317	159.377.308
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	82.169	216.426
	<b>110.180.486</b>	<b>159.593.734</b>

**25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.301.833	65.378.921
Chi phí nhân công	456.839.652	784.996.176
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.465.421	54.131.334
Chi phí khác bằng tiền	71.129.990	158.207.060
	<b>582.736.896</b>	<b>1.062.713.491</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG**Số 2, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,  
tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	370.954.966	1.056.715.122
Chi phí nhân công	4.496.650.952	5.448.640.063
Chi phí khấu hao tài sản cố định	294.916.458	392.684.118
Thuế, phí, lệ phí	156.099.342	449.501.793
Chi phí dự phòng	298.897.338	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.052.427.418	310.762.683
Chi phí khác bằng tiền	332.026.853	1.525.685.154
	<b>7.001.973.327</b>	<b>9.183.988.933</b>

**27 . THU NHẬP KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	460.909.091
Thu nhập khác	763.735.279	64.740.796
	<b>763.735.279</b>	<b>525.649.887</b>

**28 . CHI PHÍ KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Thanh lý hợp đồng tư vấn quản lý và vận hành (*)	8.964.422.798	-
Chi phí sửa chữa thay thế phụ tùng	-	18.810.583
Chi phí khác	300	-
	<b>8.964.423.098</b>	<b>18.810.583</b>

(\*) Theo Nghị quyết số 18/20/NQ-HĐQT ngày 30/06/2020 và Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 30/06/2020 giữa Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang và Công ty TNHH Azula Management, Công ty quyết định ghi nhận toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến hợp đồng tư vấn quản lý và vận hành khách sạn với Công ty TNHH Azula Management vào chi phí trong kỳ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG**Số 2, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,  
tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(22.804.671.541)	6.016.033.669
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(22.804.671.541)	6.016.033.669
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	20.000.000	20.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(1.140)</b>	<b>301</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.233.224.361	15.382.528.528
Chi phí nhân công	12.111.673.722	17.774.720.581
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.002.724.509	2.151.793.119
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.253.312.614	4.487.551.833
Chi phí khác bằng tiền	3.460.270.173	9.464.492.559
	<b>26.061.205.379</b>	<b>49.261.086.620</b>

**31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.153.467.192	-	51.037.373.424	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.437.519.937	(1.812.322.376)	19.758.931.326	(1.513.425.038)
Các khoản cho vay	12.600.000.000	-	11.900.000.000	-
	<b>73.190.987.129</b>	<b>(1.812.322.376)</b>	<b>82.696.304.750</b>	<b>(1.513.425.038)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG**Số 2, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,  
tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	2.486.649.000	2.930.781.000
Phải trả người bán, phải trả khác	36.483.656.911	37.460.148.140
	<b>38.970.305.911</b>	<b>40.390.929.140</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG**Số 2, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,  
tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.153.467.192	-	-	46.153.467.192
Phải thu khách hàng, phải thu khác	7.176.379.881	5.448.817.680	-	12.625.197.561
Các khoản cho vay	12.600.000.000	-	-	12.600.000.000
	<b><u>65.929.847.073</u></b>	<b><u>5.448.817.680</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>71.378.664.753</u></b>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.037.373.424	-	-	51.037.373.424
Phải thu khách hàng, phải thu khác	12.796.688.608	5.448.817.680	-	18.245.506.288
Các khoản cho vay	11.900.000.000	-	-	11.900.000.000
	<b><u>75.734.062.032</u></b>	<b><u>5.448.817.680</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>81.182.879.712</u></b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG**Số 2, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,  
tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>				
Vay và nợ	888.264.000	1.598.385.000	-	2.486.649.000
Phải trả người bán, phải trả khác	36.483.656.911	-	-	36.483.656.911
	<u>37.371.920.911</u>	<u>1.598.385.000</u>	<u>-</u>	<u>38.970.305.911</u>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Vay và nợ	1.332.396.000	1.598.385.000	-	2.930.781.000
Phải trả người bán, phải trả khác	37.460.148.140	-	-	37.460.148.140
	<u>38.792.544.140</u>	<u>1.598.385.000</u>	<u>-</u>	<u>40.390.929.140</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		-	<b>8.700.000</b>
Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco	Cổ đông	-	8.700.000
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>		<b>526.865.555</b>	-
Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành	Công ty liên kết	493.675.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Kinh Thành	Công ty liên kết	33.190.555	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG**Số 2, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,  
tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:


	Mối quan hệ	30/06/2020	01/01/2020
		VND	VND
<b>Phải thu về cho vay</b>		<b>11.300.000.000</b>	<b>11.100.000.000</b>
Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành	Công ty liên kết	10.500.000.000	10.500.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Kinh Thành	Công ty liên kết	800.000.000	600.000.000
<b>Phải thu khác</b>		<b>2.363.072.338</b>	<b>5.119.397.338</b>
Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco	Cổ đồng	1.570.500.000	1.570.500.000
Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc	Công ty liên kết	298.897.338	298.897.338
Công ty TNHH Sài Gòn Morin - Huế	Công ty liên doanh	-	3.250.000.000
Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành	Công ty liên kết	493.675.000	-


Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:


	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2020	2019
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	407.805.167	416.844.492
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc	948.877.569	436.714.284

**34 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.


  
Ngô Đức Chính  
Người lập


  
Ngô Đức Chính  
Kế toán trưởng


  
Lê Bá Giang  
Phó Tổng Giám đốc


Thừa Thiên - Huế, ngày 20 tháng 07 năm 2020